

MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

PHẠM XUÂN NAM*

Tóm tắt: Bài viết phân tích chủ trương, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 27 năm đổi mới vừa qua về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện các chủ trương, quan điểm đó. Tác giả bài viết đề xuất một số kiến nghị về cơ chế, chính sách trong việc tái cấu trúc nền kinh tế, đầu tư các nguồn lực cho phát triển đất nước, xây dựng và kiện toàn hệ thống an sinh xã hội, ngăn chặn tham nhũng.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ xã hội, công bằng xã hội.

1. Chủ trương, quan điểm đổi mới của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng xã hội trong 27 năm qua

Nhìn lại thời kỳ trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, mà chủ yếu là do đã áp dụng hàng loạt chủ trương, chính sách mang nặng tính chủ quan, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ, cho nên nước ta đã dần dần lâm vào trì trệ, suy thoái, rồi khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Hầu hết chỉ tiêu phát triển kinh tế đều không đạt. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sa sút; lưu thông, phân phối ách

tắc; lạm phát tăng tới ba con số. Ở thành thị, lương tháng của công nhân, viên chức chỉ đủ sống 10 - 15 ngày. Ở nông thôn, vào lúc giáp hạt hàng triệu gia đình nông dân thiếu ăn. Hoạt động của các ngành văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế đình đốn. Tiêu cực xã hội lan rộng. Lòng dân không yên.

Với phương châm “*Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”, Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã nghiêm khắc tự phê bình về những khuyết điểm, sai lầm của thời kỳ trước, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

diện đất nước. Trong đó có những chủ trương, quan điểm mang tính đột phá nhằm dần dần ổn định và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Những chủ trương, quan điểm chủ yếu đó là⁽¹⁾:

- Chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhằm giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, nghệ thuật nhằm tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân.

- Thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế.

- Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền đặc lợi.

- Chăm lo đáp ứng nhu cầu giáo dục của nhân dân, đẩy mạnh các hoạt động y tế, tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới trên thế giới, phấn đấu làm cho các lĩnh vực trên trở thành động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

- Xét về thực chất, tất cả các chủ trương, quan điểm đó đều nhằm tập trung phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, tiến trình đổi mới toàn diện đất nước ngày càng đi vào chiều sâu. Trước những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, Đảng ta đã rất coi trọng vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng đổi mới tư duy lý luận, trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước, đồng thời mở rộng tầm nhìn ra bên ngoài, tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Qua đó, các Đại hội kế tiếp (từ Đại hội VII đến Đại hội XI) và nhiều Hội nghị Trung ương giữa các nhiệm kỳ đại hội ngày càng xác định rõ hơn mục tiêu tổng quát của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, cùng hệ thống các chủ trương, quan điểm định hướng cho việc giải quyết hàng loạt mối quan hệ cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Riêng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng ta đã đề ra những chủ trương,

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội tr. 75 - 96.

quan điểm lớn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn nổi bật sau đây⁽²⁾:

Một là, kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh, nâng cao thể chất; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến và hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội. Đây là chủ trương, quan điểm có ý nghĩa bao trùm.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, trên cơ sở phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phải hết sức quan tâm giải quyết ngày càng thêm nhiều việc làm cho người lao động; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư; hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

Bốn là, phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng cao tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào quá trình tăng trưởng trong mô hình phát triển theo chiều sâu.

Năm là, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Sáu là, phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế từ cơ sở đến trung ương; đổi mới và hoàn thiện các chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh và viện phí phù hợp; có lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

2. Đánh giá việc thực hiện các chủ trương, quan điểm nêu trên của Đảng: thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra

Với chức năng do Hiến pháp quy định, Quốc hội và Chính phủ nước ta đã lần lượt thể chế hóa những chủ trương

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 73 - 80, 124 - 135.

và quan điểm nêu trên của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, sự nghiệp đổi mới ở nước ta 27 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, trong đó có những thành tựu rất đáng khích lệ về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với tăng trưởng kinh tế, tuy vẫn còn không ít hạn chế và yếu kém cần tiếp tục khắc phục.

2.1. Thành tựu

a. Về tăng trưởng kinh tế

Kể từ khi chuyển sang áp dụng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong nhiều năm liền. Tỷ lệ tăng GDP bình quân hàng năm từ 1990 đến 2010 đạt trên 7%. Mấy năm gần đây, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới vẫn còn dây dưa, nên tỷ lệ tăng GDP năm 2011 và năm 2012 chỉ đạt khoảng 5 - 6%. GDP bình quân đầu người từ khoảng 100 USD năm 1986 tăng lên 1.749 USD năm 2012⁽³⁾. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

b. Về phát triển văn hóa

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ra đời được đông đảo các nhà hoạt động và nghiên cứu văn hóa xem là Chiến lược tổng quát về phát triển văn hóa của

Đảng trong thời kỳ đổi mới. Thông qua việc quán triệt 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản và từng bước triển khai 10 nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Nghị quyết, sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với “*Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa ở nước ta*”⁽⁴⁾ được củng cố. Sự gắn kết giữa văn hóa với kinh tế, kinh tế với văn hóa bước đầu được thực hiện. Tính chủ động sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân được phát huy. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc được giữ gìn, kế thừa và phát huy có hiệu quả. Một số nét mới trong chuẩn mực đạo đức và nhân cách văn hóa của con người Việt Nam dần dần được hình thành. Đã xuất hiện một số tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về các đề tài lịch sử dân tộc, cách mạng, kháng chiến và công cuộc đổi mới. Đặc biệt, sự tham gia tự giác, hào hứng của nhân dân thuộc 54 dân tộc anh em trên đất nước ta vào các hoạt động văn hóa, nhất là phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” đã thu được những kết quả đáng ghi nhận. Giao lưu,

⁽³⁾ Tổng cục thống kê (2013), *Niên giám thống kê 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 141.

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 54 - 69.

hợp tác văn hóa với nước ngoài từng bước được mở rộng.

c. Về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

- Trong lĩnh vực lao động và việc làm, từ năm 1991 đến năm 2000, trung bình hàng năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người lao động có công ăn việc làm; những năm 2001 - 2010, mức giải quyết việc làm trung bình hàng năm đạt khoảng 1,5 - 1,6 triệu người. Công tác dạy nghề từng bước phát triển, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 10% năm 1990 lên khoảng 42% năm 2012.

- Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia (từng nhiều lần được điều chỉnh lên), tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 29,3% năm 2000 và tiếp tục giảm còn 11,1% năm 2012. Như vậy, Việt Nam đã "hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ hộ nghèo vào năm 2015" mà Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc đã đề ra⁽⁵⁾.

- Trong hoạt động khoa học và công nghệ, đội ngũ cán bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; tiếp thu, làm chủ và ứng dụng có hiệu quả nhiều công nghệ nhập từ nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực

thông tin - truyền thông, thăm dò và khai thác dầu khí, xây dựng cầu, xây dựng công trình thủy điện có công suất lớn, sản xuất vắc-xin phòng dịch... và bước đầu có một số sáng tạo về công nghệ tin học, công nghệ đóng tàu...

- Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến cuối năm 2010, tất cả các tỉnh, thành đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Từ năm 2006 đến 2010, trung bình hàng năm quy mô đào tạo cao đẳng và đại học tăng 7,4%.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Bảo hiểm y tế được mở rộng đến hơn 60% dân số. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện, nhiều dịch bệnh hiểm nghèo trước đây đã được thanh toán hoặc khống chế. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 62 tuổi năm 1990 tăng lên so với hiện nay là trên 73 tuổi.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ 0,599 năm 1990 lần lượt tăng lên 0,690 năm 2000 và 0,728 năm 2010⁽⁶⁾.

⁽⁵⁾ Cơ quan đại diện Liên hợp quốc tại Việt Nam (2002), *Đưa mục tiêu Thiên niên kỷ đến với người dân*, Hà Nội, tr. 1.

⁽⁶⁾ UNDP (2009), *Human Development Report 2009*, New York, p.168; *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, số ra ngày 9/11/2011.

2.2. Hạn chế, yếu kém

a. Về tăng trưởng kinh tế

Đến nay, Việt Nam vẫn còn là một nước đang phát triển, với mức thu nhập bình quân đầu người thuộc loại trung bình thấp⁽⁷⁾. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, rất chậm chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Những năm 2003 - 2008, trong tăng trưởng GDP ở nước ta, tỷ trọng đóng góp của yếu tố vốn là 52,7%, yếu tố lao động là 19,1%, yếu tố năng suất lao động tổng hợp (TFP) là 29,2%, trong khi một số nước khác trong khu vực tỷ lệ đóng góp của TFP là 35 - 40%.

b. Về phát triển văn hóa

- Những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa thời gian qua chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế và chưa đủ sức để tác động tích cực đến các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên ở nhiều cấp, nhiều ngành tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt còn nghiêm trọng hơn.

- Môi trường văn hóa ở không ít nơi bị ô nhiễm nặng bởi sự phát tán các sản phẩm văn hóa thấp kém, độc hại, lai căng. Nhiều biểu hiện tiêu cực trong giáo dục - đào tạo (nhất là tỷ lệ mua bằng bán điểm, học giả bằng thật...) nói lên sự xuống cấp về đạo lý trong quan hệ thầy trò, sự thiếu vắng về lý tưởng và

hoài bão ở một bộ phận đáng kể học sinh, sinh viên. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp nhân dân, giữa đô thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi còn lớn.

- Trong văn học, nghệ thuật, chưa có tác phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng, kháng chiến và thành quả của đổi mới. Xu hướng “thương mại hóa”, chạy theo những thị hiếu thấp kém trong một bộ phận báo chí, xuất bản, hoạt động văn hóa - nghệ thuật đã làm cho các chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn hóa bị suy giảm.

- Giao lưu văn hóa với người nước ngoài chưa thật tích cực và chủ động. Số văn hóa phẩm độc hại, thậm chí phản động xâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường, nhất là qua mạng Internet, còn nhiều. Trong khi số tác phẩm văn hóa có giá trị của ta đưa ra bên ngoài còn rất ít.

c. Về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

- Những năm gần đây tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại, tình trạng tái nghèo còn nhiều, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường bị thiên tai...

⁽⁷⁾ Theo các số liệu thống kê năm 2012, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 1.749 USD, trong khi của Philippin là 2.617 USD, Indônêxia - 3.910 USD, Thái Lan - 5.678 USD, Malaixia - 10.304 USD, Xem Wikipedia: *List of Countries by GDP (nominal) per capita*.

Tính đến năm 2012, tỷ lệ nghèo chung của cả nước còn 11,1%, tương đương gần 10 triệu người trong tổng số trên 88,7 triệu dân. Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất trong tổng số dân cư đã tăng từ 4,4 lần năm 1992 lên 9,2 lần năm 2010⁽⁸⁾.

- Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 9% vào cuối những năm 80 của thế kỷ trước xuống còn 4,64% năm 2007, nhưng từ năm 2008 đến nay tỷ lệ thất nghiệp lại có xu hướng gia tăng (trong đó đa phần là những công nhân tay nghề thấp và lao động giản đơn) do nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu hẹp sản xuất kinh doanh trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu và lạm phát tăng cao ở trong nước.

- Trong lĩnh vực giáo dục, nội dung chương trình, phương pháp dạy và học vừa quá tải vừa lạc hậu, thiên về dạy chữ hơn dạy người; cơ cấu ngành nghề của số lao động được đào tạo ra chưa hợp lý, thiếu nhiều thợ bậc cao, nhất là chuyên gia và cán bộ quản lý giỏi. Nhìn chung, chất lượng giáo dục còn thấp, nguồn nhân lực được đào tạo ra chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng hơn trước, nhưng cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật còn nhiều thiếu thốn. Cơ chế chính sách bảo hiểm y tế, thu

viện phí và khám chữa bệnh cho người nghèo tồn tại không ít bất cập. Vì thế, đối với người nghèo và cận nghèo bị bệnh, nhất là các bệnh nặng đòi hỏi dịch vụ y tế chất lượng cao, là một rủi ro có thể đẩy họ vào bần cùng.

Nhìn chung, mấy năm gần đây, do kinh tế khó khăn, những mặt yếu kém trong giáo dục, y tế chậm được khắc phục, nên chỉ số phát triển con người của Việt Nam có xu hướng chững lại. Trong khi đó, HDI của nhiều nước khác trên thế giới vẫn tiếp tục tăng lên. Vì thế, thứ bậc HDI của Việt Nam đã tụt từ hạng 113 năm 2010 xuống hạng 127 năm 2012⁽⁹⁾.

2.3. Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân – cả khách quan và chủ quan. *Về khách quan:* cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế, bên cạnh mặt tích cực, cũng đã bộc lộ ngày càng rõ mặt trái của chúng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phân hóa xã hội, đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân. *Về chủ quan:* trong việc xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không phải mọi cấp ủy Đảng và chính quyền đều quán

⁽⁸⁾ Tổng cục Thống kê (2011), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 21.

⁽⁹⁾ *Báo cáo năm 2013 của Liên hợp quốc về chỉ số phát triển con người của các quốc gia và vùng lãnh thổ.*

triệt và thực hiện nghiêm chỉnh những quan điểm đúng đắn được nêu trong các văn kiện chính thức của Trung ương. Chẳng hạn, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện”⁽¹⁰⁾. Nhưng trên thực tế, nhiều ngành, nhiều địa phương thường có xu hướng thiên về chạy theo tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá (thể hiện rõ nhất trong “hội chứng” phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển, sân bay... theo phong trào và với cơ chế xin - cho) mà chưa quan tâm thỏa đáng đến phát triển văn hóa, xã hội và xây dựng con người.

2.4. Những vấn đề đặt ra

Chính những hạn chế, yếu kém và các nguyên nhân nêu trên đã đặt ra hàng loạt vấn đề nổi cộm về văn hóa, xã hội cần được tập trung giải quyết trong thời gian tới.

a. Về phát triển văn hóa

Cần làm gì và làm thế nào để nâng cao hàm lượng trí tuệ, hàm lượng văn hóa trong mọi chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển cả ở tầm vĩ mô và vi mô? Làm sao đưa các nhân tố văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí và “quan trí” cao,

phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

b. Về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Làm sao sớm giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc hay những “nghịch lý” của sự phát triển như: Bệnh viện (nhất là ở tuyến trung ương) thì quá tải mà sân golf thì nhiều. Nhà trẻ thiếu mà hơn 260 khu công nghiệp còn một nửa diện tích đất để trống cho cỏ mọc. Nhiều chủ doanh nghiệp – nhất là các doanh nghiệp Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) – giàu lên trông thấy, trong khi một tỷ lệ đáng kể công nhân lao động làm thuê tại những nơi ấy chỉ có mức lương đáp ứng khoảng 60% nhu cầu thiết yếu. Hàng vạn hộ nông dân bị thu hồi đất cho công nghiệp hóa, đô thị hóa chỉ được bồi thường với giá rẻ mạt, trong khi những nhà đầu tư cho các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp thì phát lên nhanh chóng. Công việc của nhà giáo, nhà khoa học – những người hoạt động trong các lĩnh vực được xem là quốc sách hàng đầu – đòi hỏi lao động trí tuệ sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao mà tiền lương thì được xếp gần như cuối bảng thang bậc lương hành chính sự nghiệp và càng

⁽¹⁰⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 65.

thấp xa so với cán bộ, nhân viên thuộc các ngành kinh tế, tài chính. Đặc biệt, tệ tham nhũng ngày càng lây lan, dẫn đến hình thành các nhóm lợi ích, gồm những kẻ làm giàu bất chính câu kết với những quan chức thoái hóa, biến chất trong bộ máy nhà nước, gây bức xúc lớn trong dư luận xã hội.

Chính những hạn chế, yếu kém trên đây đã làm cho việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta 27 năm qua chưa đạt được kết quả như mong muốn. Đến lượt chúng, sự sa sút về văn hóa, sự chậm trễ trong việc giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc lại tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, như đã và đang bộc lộ rõ trong những năm gần đây.

3. Kiến nghị cụ thể hóa mấy quan điểm và một số cơ chế, chính sách

3.1. Cụ thể hóa mấy quan điểm

- Một là, trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội vừa làm tiền đề vừa làm điều kiện cho nhau. Chỉ có tăng trưởng kinh tế với nhịp độ, hiệu quả và chất lượng cao, thì mới có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Không thể có một nền văn hóa phát triển lành mạnh, phong phú và một xã hội tiến bộ, công bằng

trên cơ sở một nền kinh tế trì trệ, suy thoái. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội mà một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức có quyền tha hóa về tư tưởng, đạo đức, biến chất về văn hóa, cùng một tỷ lệ đáng kể lao động chỉ có trình độ học vắn và tay nghề thấp, bị lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói...

- Hai là, tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt hơn quan điểm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Theo quan điểm đó, chúng ta không chờ đến khi kinh tế đạt đến trình độ phát triển cao rồi mới đẩy mạnh phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; càng không hy sinh văn hóa, hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá. Muốn vậy, mỗi chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế đều phải gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; ngược lại, mỗi chính sách phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đều phải góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài. Bất cứ một sự sai sót hay thiên lệch nào trong hoạch định và thực thi các chính sách có liên quan đều sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu này hay mục tiêu khác của kế hoạch

phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thậm chí gây tác hại đến cả ba loại mục tiêu.

3.2. Một số cơ chế, chính sách mới

Một là, khẩn trương khắc phục chậm trễ mấy năm qua, sớm bắt tay tái cấu trúc nền kinh tế, thực hiện mô hình tăng trưởng mới.

Bước vào giai đoạn 2011 - 2020, không thể tiếp tục kéo dài mãi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng vốn được áp dụng trong suốt mấy thập niên qua. Vì đây là mô hình phát triển sử dụng nhiều vốn, công nghệ lạc hậu, với đa số lao động tay nghề thấp chủ yếu làm gia công, lắp ráp, khai thác và bán rẻ tài nguyên thô hoặc sơ chế. Hệ quả là chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế không cao, thu nhập của một bộ phận đáng kể người lao động thấp, đời sống của họ gặp nhiều khó khăn. Do đó, đã đến lúc cần có cơ chế, chính sách và lộ trình thích hợp để tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, với đa số lao động có trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng thích ứng với dây chuyền công nghệ hiện đại và từng bước đi vào lĩnh vực thiết kế, chế tạo, làm ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Nhờ vậy mà nền kinh tế nước nhà tăng trưởng nhanh hơn, với chất lượng cao hơn và người lao động cũng có thu nhập xứng đáng để cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của chính mình. Về thực chất, đây là giải pháp đưa các nhân tố

văn hóa, tinh thần nhân văn, cùng các tiêu chí tiên bộ và công bằng xã hội chuyển nhập vào bên trong mô hình tăng trưởng mới của nền kinh tế.

Hai là, trong việc đầu tư các nguồn lực cho phát triển đất nước, cần có quy hoạch và kế hoạch cụ thể để cân đối mức đầu tư cho các vùng miền, cũng như các ngành hoạt động khác nhau.

Việc dành mức đầu tư cao hơn cho các vùng kinh tế động lực là rất cần thiết nhằm tạo ra những "đầu tàu" tăng trưởng để kéo các "đoàn tàu" kinh tế Việt Nam đi lên. Song không thể không chú ý đầu tư thích đáng cả về kinh tế, văn hóa, xã hội cho các vùng khác, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm giảm dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, từng bước khắc phục tình trạng "bất công tự nhiên" và "bất công do lịch sử để lại", bảo đảm cho sự phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, gắn liền với tăng trưởng kinh tế của tất cả các vùng miền trong nước.

Đồng thời, cần sớm cải cách cơ bản chế độ tiền lương hiện hành, tìm ra đúng cái "độ" thích hợp để lấy lại sự công bằng (chứ không phải cào bằng) về thu nhập của những người làm việc trong các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau. Có thể xem đây là một chính sách an dân quan trọng vừa có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa bảo đảm phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và

công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

Ba là, kết hợp hài hòa giữa việc phân phối lại thông qua điều tiết hợp lý thu nhập trong các tầng lớp dân cư với việc xây dựng và kiện toàn hệ thống an sinh xã hội nhiều tầng nấc.

Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay, các đối tượng của chính sách xã hội là rất đa dạng, do đó cần xây dựng, củng cố và ngày càng kiện toàn hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc. Hệ thống đó bao gồm: 1) *Chính sách ưu đãi xã hội* nhằm bảo đảm mức sống ít nhất là trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến; 2) *Chính sách bảo hiểm xã hội* nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho những lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật, tuổi già...); 3) *Chính sách trợ cấp xã hội* để trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ...; 4) *Chính sách cứu tế xã hội* để cứu mang những người bị thiệt hại do thiên tai, dịch họa hoặc rủi ro trong cuộc sống; 5) *Chính sách tương trợ xã hội* nhằm phát huy truyền thống tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói giảm nghèo, cải thiện cuộc sống.

Bốn là, cần tiến hành một cuộc đấu

tranh không khoan nhượng nhằm ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả quốc nạn tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn gian, bán lận, lừa đảo, đầu cơ trên thương trường. Cần tập trung điều tra, phát hiện và kiên quyết đập tan các mối quan hệ “tiền - quyền” giữa những “đại gia” làm ăn bất chính với những quan tham trong bộ máy nhà nước, mà qua đó chúng sẽ câu kết với nhau để đi tới các quyết định chính sách chỉ có lợi cho một số người giàu, nhưng gây hại cho số đông người nghèo. Thực hiện được điều đó, chúng ta sẽ chặn đứng được sự hình thành các “nhóm lợi ích” có mâu thuẫn đối kháng với lợi ích của đại đa số nhân dân.

Nếu để cho những “nhóm lợi ích” ấy tiếp tục “luồn sâu và leo cao” thì sớm muộn chúng sẽ ngang nhiên phá hoại sự nghiệp đổi mới ngay từ bên trong, biến nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thành nền kinh tế thị trường “hoang dã”, vừa cản trở tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, vừa làm băng hoại những giá trị văn hóa đạo đức cơ bản, kìm hãm tiến bộ và công bằng xã hội, gây bất bình trong quảng đại quần chúng nhân dân, tạo thành nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của sự nghiệp *dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh* mà toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu để đạt tới.

